

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 8 năm 2026

## NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển  
kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA XI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ HAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,  
Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật  
Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc  
hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức  
thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính  
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính  
phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân  
quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ  
sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy  
hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của  
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm  
quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;*

*Xét Tờ trình số 309/TTr-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 205/BC-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 12012/UBND-NNMT ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải trình Báo cáo số 205/BC-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm 47 dự án với tổng diện tích phải thu hồi đất là 1.325,11 ha (*Chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh. Chịu trách nhiệm về tính chính xác về cơ sở pháp lý, danh mục tên dự án, diện tích, địa điểm thực hiện dự án; hồ sơ đề nghị phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Hai thông qua ngày 06 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Cao Thị Hòa An**

**Phụ lục**  
**Danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

| STT | Hạng mục                                                                                                                                                                                                | Diện tích (ha)  | Loại đất lấy vào | Địa điểm          | Văn bản pháp lý                                                            |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|     | <b>Tổng</b>                                                                                                                                                                                             | <b>1.323,66</b> |                  |                   |                                                                            |
| 1   | Xây dựng vỉa hè đường giao thông từ ngã ba buôn Kao đi bờ hồ Ea Kao phục vụ phố đi bộ, phường Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk Lý trình: Km0+00-:-Km1+200                                                           |                 | NNP, PNN         | Phường Ea Kao     | Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 của UBND phường Ea Kao           |
| 2   | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ UBND phường Ea Kao đi đường tránh phía Đông Buôn Ma Thuột; Hạng mục: Nền, mặt đường, hè đường, công trình thoát nước và hệ thống ATGT; Lý trình: Km0+00-:-Km1+550 | 0,86            | NNP, PNN         | Phường Ea Kao     | Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 của UBND phường Ea Kao           |
| 3   | Dự án Khu đô thị thương mại dịch vụ Ea Tam                                                                                                                                                              | 51,67           | NNP, PNN         | Phường Ea Kao     | Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 19/2/2025 của HĐND tỉnh                      |
| 4   | Khu đất thuộc Quy hoạch Khu đô thị mới phía Bắc đường vành đai phía Tây, phường Tân An, ký hiệu: CQ6, CQ8                                                                                               | 2,74            | CLN              | Phường Tân An     | Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 26/5/2026 của HĐND tỉnh                      |
| 5   | Cổng chào phía Tây thành phố Buôn Ma Thuột (thành phố Buôn Ma Thuột đi huyện Buôn Đôn)                                                                                                                  | 0,002           | CLN              | Phường Thành Nhất | Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột |
| 6   | Nâng cấp, mở rộng đường giao thông Buôn M'rê - Buôn Niêng (Giai đoạn 1)                                                                                                                                 | 1,90            | HNK, CLN, PNN    | Xã Hòa Phú        | Quyết định số 5487/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột |
| 7   | Nhà máy điện gió Ea Hleo 4 (Cư Mgar - Buôn Hồ)                                                                                                                                                          | 1,10            | CLN              | Phường Cư Bao     | Quyết định số 1560/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 của UBND tỉnh                    |

|    |                                                                                                                                                                    |        |                         |                 |                                                                     |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------|
| 8  | Nhà máy điện gió NT1, NT2                                                                                                                                          | 4,07   | CLN                     | Phường Cư Bao   | Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 25/6/2026 của UBND tỉnh             |
| 9  | Trung tâm dạy nghề tại xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ (nay là phường Cư Bao)                                                                                            | 2,24   | CLN                     | Phường Cư Bao   | Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 12/6/2026 của UBND tỉnh             |
| 10 | Trạm biến áp 500 kV Krông Buk và đấu nối                                                                                                                           | 2,26   | RSX, NNP, PPN           | Xã Ea Kiết      | Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của UBND tỉnh             |
| 11 | Đền bù, GPMB; xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư thôn Thành Công, xã Ea Na (giai đoạn 1)                                                                           | 1,20   | CLN, PNN                | Xã Ea Na        | Quyết định số 2912/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 của UBND huyện Krông Ana  |
| 12 | Đền bù, GPMB; xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư thôn Thành Công, xã Ea Na (giai đoạn 2)                                                                           | 3,80   | CLN, PNN                | Xã Ea Na        | Quyết định số 3236/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND huyện Krông Ana |
| 13 | Cụm công nghiệp Buôn Chấm                                                                                                                                          | 1,98   | CLN                     | Xã Krông Ana    | Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh             |
| 14 | Dự án Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ cầu Suối Mơ đến ngã ba vào nông trường cà phê Ea Sim và tuyến đường bên nhà bia tường niệm ra ngã ba đại lý Phi Thuyền | 1,60   | CLN                     | Xã Dliê Ya      | Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 05/6/2026 của HĐND xã Dliê Ya         |
| 15 | Dự án Trụ sở làm việc Khu trung tâm hành chính mới, hạng mục: Cổng, hàng rào bảo vệ                                                                                | 7,30   | CLN                     | Xã Dliê Ya      | Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 05/6/2026 của HĐND xã Dliê Ya         |
| 16 | Cụm công nghiệp Krông Năng                                                                                                                                         | 75,00  | CLN                     | Xã Phú Xuân     | Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 25/6/2026 của UBND tỉnh             |
| 17 | Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Xuân Tây                                                                                   | 239,00 | LUA, RSX, NNP, PNN      | Phường Đông Hòa | Quyết định số 145/QĐ-KKT ngày 25/6/2026 của BQL KKT Phú Yên         |
| 18 | Trạm biến áp 220kV Nam Phú Yên và đường dây 220kV Nam Phú Yên - rẽ Nha Trang - Tuy Hòa                                                                             | 10,70  | LUA, PNN                | Xã Hòa Xuân     | Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND tỉnh             |
| 19 | Dự án Đầu tư xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Xuân Đông                                                                                  | 392,24 | LUA, RSX, NNP, PNN, CSD | Xã Hòa Xuân     | Quyết định số 146/QĐ-KKT ngày 25/6/2026 của BQL KKT Phú Yên         |

|    |                                                                                                                |        |               |                 |                                                                        |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------|
| 20 | Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Xuân Tây                               | 191,71 | LUA, PNN      | Xã Hòa Xuân     | Quyết định số 145/QĐ-KKT ngày 25/6/2026 của BQL KKT Phú Yên            |
| 21 | Mỏ đá học trúng đấu giá khai thác khoáng sản Cây Me                                                            | 60,24  | RSX           | Xã Hòa Xuân     | Quyết định số 01682/QĐ-UBND ngày 16/10/2025 của UBND tỉnh              |
| 22 | Mỏ đá xây dựng phục vụ thi công Dự án ĐTXD Bến Cảng Bãi Gốc                                                    | 34,98  | RDD           | Xã Hòa Xuân     | Quyết định số 2317/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND tỉnh                |
| 23 | Mỏ đá xây dựng phục vụ thi công Dự án ĐTXD và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Tâm – Giai đoạn 1 | 10,22  | RDD           | Xã Hòa Xuân     | Quyết định số 2317/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND tỉnh                |
| 24 | Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phường Xuân Thành                                                            | 3,50   | HNK           | Phường Xuân Đài | Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 22/9/2021 của HĐND thị xã Sông Cầu       |
| 25 | Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư ven tuyến đường Vịnh Xuân Đài - Khu du lịch Nhất Tự Sơn                      | 0,25   | HNK, RSX      | Phường Xuân Đài | Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 22/9/2021 của HĐND thị xã Sông Cầu       |
| 26 | Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Khoan Hậu, phường Xuân Đài, thị xã Sông Cầu                                  | 5,48   | LUA, HNK, PNN | Phường Xuân Đài | Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND thị xã Sông Cầu      |
| 27 | Khu dân cư ngã ba đường đi Bãi Tràm (Khu dân cư Hòa Phú giai đoạn 1)                                           | 3,98   | RPH           | Xã Xuân Cảnh    | Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 08/7/2026 của UBND xã Xuân Cảnh        |
| 28 | Xây dựng tuyến đường giao thông dân sinh từ Cầu La Hai đến cuối khu dân cư khu phố Long An (trong đường sắt)   | 0,79   | NNP           | Xã Đồng Xuân    | Quyết định số 2225/QĐ- UBND ngày 26/7/2021 của UBND huy Đồng Xuân (cũ) |
| 29 | Công trình cấp nước sạch xã Xuân Quang 2 huyện Đồng Xuân                                                       | 0,24   | PNN           | Xã Đồng Xuân    | Quyết định số 904/QĐ- UBND ngày 02/6/2025 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)   |
| 30 | Mở rộng mặt bằng bố trí dân cư thôn Kỳ Đu, xã Xuân Quang 2                                                     | 0,60   | HNK, CSD      | Xã Đồng Xuân    | Quyết định số 2249/QĐ- UBND ngày 26/7/2021 của UBND huy Đồng Xuân (cũ) |
| 31 | Bãi rác thải sinh hoạt xã Ea Ly                                                                                | 4,67   | NNP, PNN      | Xã Ea Ly        | Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Ea Ly            |

|    |                                                                                                                              |       |                    |              |                                                                  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--------------------|--------------|------------------------------------------------------------------|
| 32 | Khai thác mỏ đất san lấp thôn Tân Yên, xã Ea Ly, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên (Nay là thôn Tân Yên, xã Ea Ly, tỉnh Đắk Lắk) | 3,52  | NNP, PNN           | Xã Ea Ly     | Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của UBND tỉnh Phú Yên |
| 33 | Nhà máy điện mặt trời Tây Hòa 3                                                                                              | 70,00 | HNK,PNN            | Xã Sơn Hòa   | Quyết định 1519/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 của UBND tỉnh             |
| 34 | Đầu tư xây dựng khu khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập trường THCS Nguyễn Hữu Thọ                                             | 0,99  | HNK, RSX, DCS      | Xã Sơn Hòa   | Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND xã Sơn Hòa     |
| 35 | Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Ba Bản (giai đoạn 2)                                                        | 12,85 | NNP, PNN           | Xã Sơn Hòa   | Nghị Quyết số 10/NQ-HĐND ngày 22/3/2024 của HĐND huyện Sơn Hòa   |
| 36 | Khai thác chế biến quặng vàng (giai đoạn 2)                                                                                  | 5,52  | HNK, LUK, PNN, DCS | Xã Sơn Hòa   | Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh           |
| 37 | Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đường Suối Bạc 1 giáp Quốc lộ 19C; Hạng mục: Nền đường, hệ thống thoát nước và san nền đất ở     | 16,62 | HNK, PNN           | Xã Sơn Hòa   | Quyết định số 535a/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND xã Sơn Hòa    |
| 38 | Đầu tư tuyến Đường 5 từ thôn Sơn Nghiệp đến giáp đường bê tông thôn Trường Thành                                             | 1,05  | LUA                | Xã Sơn Thành | Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND xã Sơn Thành   |
| 39 | Dự án Khai thác và chế biến đá VLXD thông thường Suối Cối, thôn Lương Phước, xã Sơn Thành, tỉnh Đắk Lắk                      | 5,72  | RSX                | Xã Sơn Thành | Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh Phú Yên   |
| 40 | Dự án Mỏ sét gạch ngói thôn Đá Mài, xã Sơn Thành, tỉnh Đắk Lắk                                                               | 10,00 | HNK                | Xã Sơn Thành | Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh Phú Yên |
| 41 | Mỏ đá xây dựng mỏ đá xây dựng, thôn Lương Phước, xã Sơn Thành, tỉnh Đắk Lắk.                                                 | 55,30 | RSX                | Xã Sơn Thành | Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND tỉnh Phú Yên |
| 42 | Mỏ đá xây dựng mỏ đá xây dựng Hóc Đèo, thôn Lương Phước, xã Sơn Thành, tỉnh Đắk Lắk                                          | 11,72 | RSX                | Xã Sơn Thành | Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 của UBND tỉnh Phú Yên |
| 43 | Khép kín khu dân cư dọc QL 29 xã Sơn Thành (giai đoạn 4) (Đầu giá)                                                           | 1,10  | HNK                | Xã Sơn Thành | Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND xã Sơn Thành   |

|    |                                                                                                                 |       |               |               |                                                                               |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 44 | Khép kín khu dân cư dọc QL 29 xã Sơn Thành (giai đoạn 5) (Đầu giá)                                              | 1,74  | HNK           | Xã Sơn Thành  | Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND xã Sơn Thành                |
| 45 | Khép kín khu dân cư các điểm trường thôn Thành An, Liên Thạch và Khu đất cạnh Nhà văn hóa thôn Sơn Nghiệp       | 0,63  | PNN           | Xã Sơn Thành  | Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND xã Sơn Thành                |
| 46 | Xây dựng hoàn thiện đường nối với đường KV1 của dự án Khu đô thị dân cư Km7 thuộc khu đô thị Km7, phường Tân An | 0,16  | NNP, PNN      | Phường Tân An | Quyết định số 15/QĐ-ĐTĐL ngày 05/01/2022 của Công ty TNHH ĐTPT đô thị Đắk Lắk |
| 47 | Dự án Nhà máy điện gió NT 1; NT 2                                                                               | 10,43 | LUA, NNP, PNN | Xã Cuôr Đăng  | Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 25/6/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk               |